

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **68/2024/HS-ST**
Ngày 25/6/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Hồng Chiến.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Vượng và ông Nguyễn Sơn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Long - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2024, tại nhà văn hóa xã K, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên tòa lưu động công khai xét xử sơ thẩm vụ án Hình sự thụ lý số 55/2024/TLST-HS ngày 06/5/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2024/HSST-QĐ ngày 07/6/2024, Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 08/2024/HS- TB ngày 13/6/2024 đối với các bị cáo:

1. Vũ Văn T, sinh ngày 19/9/1994 tại huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Nơi cư trú: Xóm G, xã Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông Vũ Văn T1 (đã chết) và bà Mai Thị H, sinh năm 1971; Vợ: Nguyễn Thị H1 (đã ly hôn); con: có 01 con sinh năm 2018; Anh chị em ruột: Có 02 người, bị cáo là con thứ nhất. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/01/2024 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T (có mặt tại phiên tòa).

2. Trần Văn T2, sinh ngày 10/12/1971 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Nơi cư trú: thôn T, xã K, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Trần Trọng K (đã chết) và bà Trần Thị T3, sinh năm 1944; Vợ: Trần Thị Bích L, sinh năm 1977 (đã ly hôn); con: Có 01 con sinh năm 1999; Anh chị em ruột: Có 03 người, bị cáo là con thứ hai. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: - Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 10/QĐ-XPHC ngày 07/01/2013 của Công an huyện S, phạt tiền Trần Văn T2 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

- Bản án số 71/2017/HSST ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương xử phạt Trần Văn T2 01 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, án phí HSST 200.000 đồng. Ngày 27/4/2018 bị cáo chấp hành xong bản án.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/01/2024. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T *(có mặt tại phiên tòa)*.

3. Nguyễn Văn N, sinh ngày 09/6/1976 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Nơi đăng ký HKTT: Thôn Đ, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Nơi tạm trú: Thôn T, xã K, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 3/12; Con ông Nguyễn Văn N1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị N2, sinh năm 1957; Vợ: Đinh Thị L1, sinh năm 1977 (đã ly hôn); con: Có 01 con sinh năm 2001; Anh chị em ruột: Có 02 người, bị cáo là con thứ nhất. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/01/2024. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T *(có mặt tại phiên tòa)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 17/01/2024, bị cáo Nguyễn Văn N đến nhà bị cáo Trần Văn T2 chơi, khi T2 và N đang ngồi nói chuyện thì Lương Trung Đ sử dụng số điện thoại 0858860250 gọi đến số điện thoại 0368185766 của T2 hỏi mua 500.000 đồng ma túy (Heroine). T2 đồng ý và hẹn Đ đến khu vực K thuộc xã K, huyện S để trao đổi mua bán ma túy. T2 rủ N cùng đi mua ma túy, với mục đích chia nhỏ, lấy một phần ma túy mua được để cùng nhau sử dụng, phần còn lại bán cho Đ, N đồng ý. Ngôn điều khiển xe máy biển số 22SA - 04378 của Ngôn chở T2 ra khu vực K gặp Đ. Đ đưa cho T2 530.000 đồng, trong đó 500.000 đồng là tiền mua ma túy và 30.000 đồng là Đ cho T2 để đổ xăng xe. Tuyến cầm tiền và hẹn khi nào có ma túy sẽ gọi cho Đ đến lấy. Sau đó, T2 sử dụng số điện thoại 0368185766 gọi đến số điện thoại 0962761631 của bị cáo Vũ Văn T hỏi mua 500.000 đồng ma túy H2, T đồng ý và hẹn đến đoạn đường Quốc lộ 37 thuộc thôn A, xã Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên để mua bán ma túy.

Khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, N điều khiển xe máy chở T2 đến địa điểm đã hẹn với T. T2 đưa cho T 500.000 đồng, T cầm tiền rồi điều khiển xe mô tô biển số 20L8-1862 (xe của ông Vũ Văn T1 là bố đẻ của T, hiện đã chết) đến khu vực đường ray tàu thuộc xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên mua được 01 (một) gói Heroine với giá 500.000 đồng của một người đàn ông không biết tên, địa chỉ. Sau

khi mua được H2, T chia thành hai gói nhỏ được gói bên ngoài bằng giấy bạc màu trắng, mang về đưa cho T2 một gói, còn một gói T mang về nhà lấy một phần sử dụng, phần còn lại T gói lại để tại mặt bàn nhựa trong phòng ngủ của T, mục đích để bán.

Sau khi mua được ma túy Tuyến cất giấu trên người cùng N đi về đến khu vực thôn Đ, xã Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. T2 và N lấy một phần ma túy trong gói vừa mua được rồi cùng nhau sử dụng, phần còn lại Tuyến gói lại cất giấu trên người mang về nhà. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, Đ đến nhà T2 lấy gói ma túy đã đặt mua của T2 cất giấu trên người, đến khoảng 07 giờ ngày 18/01/2024 Đ mang gói ma túy sang khu vực thôn Đ, xã Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đi làm thuê, sau đó Đ đã sử dụng hết bằng hình thức đốt hít vào cơ thể.

Khoảng 9 giờ 00 phút ngày 18/01/2024, N điều khiển xe máy đến rủ T2 đi mua ma túy về cùng nhau sử dụng, T2 đồng ý và sử dụng số điện thoại 0368185766 gọi đến số điện thoại 0962761631 của T để hỏi mua 500.000 đồng Heroine. T đồng ý và hẹn Tuyến đến khu C thuộc thôn A, xã Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Sau đó N điều khiển xe máy chở T2 đến điểm hẹn, N đưa cho T 500.000 đồng (tiền của N), T cầm tiền rồi điều khiển xe mô tô biển số 20L8-1862 đến khu vực đường ray tàu thuộc xã B, huyện Đ, mua được 01 gói Heroine với giá 500.000 đồng của một người đàn ông không biết tên tuổi, địa chỉ. Sau đó T chia gói Heroine vừa mua được thành hai gói nhỏ được gói bên ngoài bằng giấy bạc màu trắng, mang về đưa cho N một gói, còn một gói T mang về nhà để tại mặt bàn nhựa trong phòng ngủ của T, mục đích để bán.

Sau khi mua được ma túy, N cất giấu trên người rồi điều khiển xe máy chở T2 đến khu vực chân Đ, xã Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên cùng nhau sử dụng hết số ma túy vừa mua. Sau đó N điều khiển xe chở T2 về đến thôn C, xã H, huyện S thì gặp tổ công tác Công an xã H đang làm nhiệm vụ, đã yêu cầu T2 và N về trụ sở UBND xã H để làm việc. Tuyến và N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Sau khi bán ma túy cho T2 và N, đến khoảng 14 giờ cùng ngày, T điều khiển xe mô tô biển số 20L8-1862 đến khu vực đường ray tàu thuộc xã B, huyện Đ, gặp và mua được 01 gói Heroine bên ngoài được gói bằng giấy bạc màu trắng với giá 400.000 đồng của một người đàn ông không biết tên tuổi, địa chỉ, mang về nhà cất giấu mục đích để bán. Hồi 15 giờ cùng ngày, Cơ quan CSĐT Công an huyện S thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp đối với T, đã thu giữ 03 (ba) gói Heroine có đặc điểm bên ngoài được gói bằng giấy bạc màu trắng (trong đó thu tại mặt bàn nhựa trong phòng ngủ của T 02 (hai) gói và thu giữ trên người T 01 (một) gói); 02 điện thoại (01 Iphone 6s màu ghi bên trong lắp sim số 0568296215; 01 điện thoại Iphone 5s màu trắng bên trong lắp sim số 0962761631).

Ngày 18/01/2024 tiến hành xét nghiệm tìm chất ma túy trong cơ thể đối với Vũ Văn T, Trần Văn T2, Nguyễn Văn N và Lương Trung Đ đều có kết quả (+) Dương tính với chất ma túy.

Tại Kết luận giám định số 202/KL-KTHS ngày 22/01/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh T, kết luận: Mẫu vật gửi giám định (03 gói) thu giữ của Vũ Văn T là chất ma túy, loại Heroine (H), tổng khối lượng 0,757g (*Không thấy bảy năm bảy gam*).

Từ nội dung trên, tại Bản Cáo trạng số 57/CT-VKSSD ngày 04 tháng 5 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Vũ Văn T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Truy tố các bị cáo Trần Văn T2 và Nguyễn Văn N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Các bị cáo Vũ Văn T, Trần Văn T2 và Nguyễn Văn N phạm tội: Mua bán trái phép chất ma túy.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 - Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Vũ Văn T từ **07** (bảy) năm đến **07** (bảy) năm **06** (sáu) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, 58 - Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Trần Văn T2 từ **02** (hai) năm **03** (ba) tháng đến **02** (hai) năm **06** (sáu) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, 58 - Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ **02** (hai) năm đến **02** (hai) năm **03** (ba) tháng tù.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì niêm phong còn nguyên vẹn, bên trong có chứa chất ma túy (03 gói đã giám định), mặt trước phong bì ghi “Tang vật vụ Vũ Văn T giám định ngày 18/01/2024” là tang vật của vụ án. Trả lại cho bị cáo N 01 (một) điện thoại Nokia màu đen bàn phím số, bên trong lắp hai sim số 0326741265, số C và một xe máy nhãn hiệu J-PAN biển số 22SA-043.78. Trả lại cho Trần Văn T2 01 (một) điện thoại Nokia màu xanh bàn phím số, bên trong lắp 01 sim số 0368185766 và trả cho bị cáo Vũ Văn T 02 (hai) điện thoại (01 Iphone 6s màu ghi bên trong lắp sim số 0568296215; 01 điện thoại Iphone 5s màu trắng bên trong lắp sim số 0962761631).

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo, buộc các bị cáo phải chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung cáo trạng truy tố; các bị

cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì, nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, không có ý kiến tranh luận và cũng không có ý kiến gì đề bào chữa cho hành vi phạm tội của mình. Khi nói lời sau cùng các bị cáo đều nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa, các bị cáo tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại LINK "12" \o "Cơ" Cơ quan điều tra và nội dung Cáo trạng truy tố. Hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng minh qua biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định, biên bản khám nghiệm hiện trường cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

** Về hành vi mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo Vũ Văn T:*

Trong các ngày 17 và 18/01/2024, tại thôn A, xã Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, bị cáo Vũ Văn T đã hai lần có hành vi bán trái phép chất ma túy (Heroin), cụ thể:

- Lần 1: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 17/01/2024, Vũ Văn T bán trái phép 01 (một) gói Heroin với số tiền là 500.000 đồng cho Trần Văn T2 và Nguyễn Văn N.

- Lần 2: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 18/01/2024, Vũ Văn T bán trái phép 01 (một) gói Heroin với số tiền là 500.000 đồng cho Nguyễn Văn N và Trần Văn T2.

Ngoài ra, hồi 15 giờ ngày 18/01/2024 Vũ Văn T còn tàng trữ trái phép 0,757gam ma túy (Heroin) tại nhà ở của mình, mục đích để bán.

** Về hành vi mua bán trái phép chất ma túy của các bị cáo Trần Văn T2 và Nguyễn Văn N:*

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 17/01/2024 tại thôn T, xã K, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, Trần Văn T2 và Nguyễn Văn N đã có hành vi bán trái phép 01 (một) gói Heroin với số tiền 500.000 đồng cho Lương Trung Đ.

Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tác hại của ma túy nhưng vẫn nhiều lần mua bán trái phép chất ma túy và tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng cho bản thân, đây là lỗi cố ý trực tiếp. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương truy tố truy tố bị cáo Vũ Văn T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 - Bộ luật Hình sự. Truy tố các bị cáo Trần Văn T2, Nguyễn Văn N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 251 - Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, có căn cứ chấp nhận.

[2]. Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Người phạm tội thành khẩn khai báo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn N được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ có ông nội Nguyễn Văn T4 và bà nội Nguyễn Thị L2 được tặng thưởng Huân chương kháng chiến \o "hạng"Hạng 3 theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[3]. Về mức án đối với các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự trị an tại địa phương và là một trong những nguyên nhân thường gây ra các tội phạm, tệ nạn xã hội khác nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình. Xét nhân thân và mức độ phạm tội của các bị cáo thấy rằng, bị cáo Vũ Văn T có hành vi bán trái phép chất ma túy 02 (hai) lần, ngoài ra còn tàng trữ 0,757 gam ma túy (Heroine) để bán nên bị cáo phải chịu tình tiết định khung quy định tại khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Trần Văn T2 và Nguyễn Văn N bán trái phép chất ma túy 01 (một) lần, phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn, không có tổ chức, vai trò ngang nhau, trong đó bị cáo T2 có nhân thân xấu, năm 2017 bị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương xét xử 01 (một) năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, ra trại không lấy đó làm bài học cải tạo bản thân còn phạm tội mới nên bị cáo phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo N.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm trong hành vi phạm tội của các bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử xét mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên chấp nhận.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định các bị cáo không có tài sản gì có giá trị, bị cáo N thuộc diện hộ nghèo, các bị cáo T và T2 thuộc diện hộ cận nghèo nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (*phạt tiền*) đối với các bị cáo.

[5]. Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ của bị cáo Vũ Văn T 0,757g (không phẩy bảy năm bảy gam) Heroine. Sau khi lấy đi giám định số còn lại cùng bao bì được niêm phong trong 01 (một) phong bì có dấu của Phòng K1 Công an tỉnh T và chữ ký của bị cáo. Đây là vật chứng của vụ án thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành, nên cần tịch thu tiêu hủy.

Thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn N 01 (một) điện thoại di động N3 màu đen bàn phím số, bên trong lắp hai sim số 0326741265, số C và một xe mô tô nhãn hiệu J-PAN biển số 22SA-043.78 đây là tài sản của bị cáo không sử dụng cho mục đích phạm tội nên cần tuyên trả lại cho bị cáo.

Thu giữ của bị cáo Trần Văn T2 01 (một) điện thoại di động Nokia màu xanh bàn phím số, bên trong lắp một sim số 0368185766 và thu giữ của bị cáo Vũ Văn T 02 (hai) điện thoại di động, trong đó có 01 (một) điện thoại Iphone 6s màu ghi bên trong lắp sim số 0568296215 và 01 (một) điện thoại Iphone 5s màu trắng bên trong lắp sim số 0962761631. Đây là tài sản của các bị cáo dùng để giao dịch liên hệ người thân, bạn bè trong sinh hoạt hàng ngày nên tuyên trả lại cho các bị cáo.

Đối với số tiền bị cáo Vũ Văn T có được do bán ma túy cho các bị cáo Trần Văn T2, Nguyễn Văn N. Bị cáo T đã dùng để mua ma túy một phần bán lại cho các bị cáo T2, N, một phần tàng trữ mục đích để bán nhưng chưa kịp bán thì đã bị Công an thu giữ. Số tiền trên hiện không còn nên không xem xét truy thu đối với bị cáo T.

[6]. Về các vấn đề khác:

Đối với người đàn ông bán ma túy cho bị cáo Vũ Văn T tại khu vực xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên do không xác định được tên tuổi, địa chỉ nên không có căn cứ điều tra, xử lý.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của các bị cáo Vũ Văn T, Trần Văn T2, Nguyễn Văn N và của anh Lương Trung Đ tại khu vực thôn Đ và xóm G, xã Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Cơ quan CSĐT Công an huyện S đã chuyển tài liệu đến Công an huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên để xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền.

Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện S, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định - Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo:

Các bị cáo Vũ Văn T, Trần Văn T2 thuộc diện cá nhân là hộ cận nghèo, bị cáo Nguyễn Văn N thuộc diện cá nhân là hộ nghèo nên được miễn nộp khoản tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 251 - Bộ luật Hình sự. Tuyên bố: Các bị cáo Vũ Văn T, Trần Văn T2 và Nguyễn Văn N phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 - Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Vũ Văn T **07** (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 18/01/2024.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, 58 - Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Trần Văn T2 **02** (hai) năm **03** (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 18/01/2024.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, 58 - Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N **02** (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 18/01/2024.

5. Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) bì niêm phong bên trong có chứa chất ma túy, mặt trước phong bì ghi “Tang vật vụ Vũ Văn T giám định ngày 18/01/2024” là vật chứng của vụ án thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn N 01 (một) điện thoại di động N3 màu đen bàn phím số, số seri 1 353050065350900, số seri 2 353050065350918, bên trong lắp hai sim số 0326741265 và số 0329495843 và 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu J-PAN biển số đăng ký 22SA-043.78, xe cũ đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Trần Văn T2 01 (một) điện thoại di động Nokia màu xanh bàn phím số, số seri 355214039653975, bên trong lắp một sim số 0368185766 và trả cho bị cáo Vũ Văn T 02 (hai) điện thoại di động (01 điện thoại Iphone 6s màu ghi, số máy NKQJ2J/A, số seri FRDV0C1GRY5, bên trong lắp sim số 0568296215; 01 điện thoại Iphone 5s màu trắng, số máy MF397CH/A, số seri DX3Q126DFR9L bên trong lắp sim số 0962761631).

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện S với Chi cục Thi hành án huyện Sơn Dương ngày 08/5/2024).

6. Căn cứ vào Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Miễn nộp khoản tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Vũ Văn T, Trần Văn T2 và Nguyễn Văn N.

- Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TQ;
- VKS ND tỉnh TQ;
- VKS ND huyện SD;
- Cơ quan CSĐT CA huyện SD;
- Chi cục THADS huyện SD;
- Trại tạm giam CA tỉnh TQ;
- UBND xã Hợp Thành;
- UBND xã Kháng Nhật;
- UBND xã Yên Lãng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Hồng Chiến

- Bị cáo;
- Lưu HS.